

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2020
V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Đức Lợi

Bà Nguyễn Thị Dung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2020/QĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 09/2020/QĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị H**, sinh ngày 02/12/1975. Nơi cư trú: Thôn T, xã T1 (xã T2 cũ), huyện T3, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Ông **Park Yun D**, sinh ngày 30/7/1952. Quốc tịch: Hàn Quốc. Nơi cư trú: J, S, Seoul, Hàn Quốc. Hộ chiếu số YS0024665, Hàn Quốc cấp ngày 10/8/2007.

- **Người làm chứng:** Ông **Phạm Đình T4**, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Thôn T, xã T1(xã T2 cũ), huyện T3, tỉnh Thái Bình

(Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày

10/7/2019 và bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn với ông Park Yun D và trình bày cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị H và ông Park Yun D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 31/10/2007 (đăng ký kết hôn theo thủ tục vắng mặt bà H), sau đó đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam và được Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình ghi chú kết hôn ngày 21/11/2007. Sau khi kết hôn ông Park Yun D ở Hàn Quốc, bà H ở Việt Nam, hai bên vẫn duy trì liên lạc với nhau, đến tháng 11/2008 thì bà H sang Hàn Quốc để đoàn tụ với chồng. Tuy nhiên khi sang đến Hàn Quốc, bà H không liên lạc được với ông Park Yun D. Bà H ở lại Hàn Quốc đến tháng 5/2009 thì trở về Việt Nam. Từ tháng 11/2008, ông Park Yun D không liên lạc với bà H, không quan tâm đến cuộc sống của bà. Hiện nay bà H thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông Park Yun D nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Park Yun D.

Về con chung: Bà H và ông Park Yun D không có con chung, hiện bà H không có thai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H trình bày bà và ông Park Yun D không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn:** Ông Park Yun D vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không trình bày quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung giữa ông Park Yun D và bà Phạm Thị H.

* **Người làm chứng:** Ông Phạm Đình T4, sinh năm 1949, nơi cư trú: thôn T, xã T1 (xã T2 cũ), huyện T3, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ bà Phạm Thị H) cung cấp: Về thời gian, thủ tục kết hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Park Yun D đúng như bà H đã trình bày. Sau khi kết hôn, bà H có sang Hàn Quốc, mục đích để đoàn tụ với chồng nhưng không tìm được ông Park Yun D, do đó bà H đã quay về sống tại gia đình ông từ năm 2009 đến nay. Ông Park Yun D không có lần nào liên lạc hay về thăm bà H và gia đình ông. Ông Park Yun D và bà H đã hoàn toàn chấm dứt mọi mối quan hệ với nhau từ năm 2008, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông Park Yun D.

* **Về thủ tục ủy thác tư pháp:** Ngày 05/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thông qua Bộ Tư pháp đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt cho ông Park Yun D văn bản tố tụng “Thông báo về việc thụ lý vụ án” số 73/TB-TLTA ngày 15/8/2019, trong đó có nêu cụ thể thời gian tiến hành phiên họp hòa giải, phiên họp hòa giải mở lại (lần 2), phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa sơ thẩm mở lại (lần 2) của Tòa án. Địa chỉ của ông Park

Yun D trong các văn bản tố tụng và tài liệu ủy thác tư pháp ghi đúng theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, phù hợp với địa chỉ của ông Park Yun D được ghi tại Trích lục ghi chú kết hôn của Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, sau khi thực hiện ủy thác tư pháp, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 4242/BTP-PLQT ngày 27/12/2019 thông báo về việc Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc trả lại hồ sơ ủy thác tư pháp đối với ông Park Yun D do địa chỉ không đầy đủ.

Tòa án đã đề nghị Ban đối ngoại - Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà Phạm Thị H và ông Park Yun D. Đài Tiếng nói Việt Nam đã tiến hành đăng tin văn bản tố tụng dân sự bằng tiếng Hàn Quốc trên trang web vovworld.vn từ ngày 13/01/2020 đến ngày 15/01/2020.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật, nhưng không thực hiện được việc ủy thác tư pháp. Tòa án đã thực hiện đăng thông tin văn bản tố tụng bằng tiếng Hàn Quốc trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam để thông báo tới bị đơn về việc giải quyết vụ án bà Phạm Thị H xin ly hôn ông Park Yun D – là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa là đúng pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Park Yun D. Việc giải quyết về tài sản chung được đặt ra khi đương sự có yêu cầu. Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị H xin ly hôn ông Park Yun D có Quốc tịch Hàn Quốc, hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật để tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Park Yun D, tuy nhiên không tổng đạt được do địa chỉ ông Park Yun D khi làm thủ tục kết hôn với bà H không ghi đầy đủ. Để đảm bảo quyền tố tụng cho đương sự, Tòa án đã đăng thông tin về việc giải quyết vụ án bằng tiếng Hàn Quốc trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam trong các ngày từ ngày 13/01/2020 đến ngày 15/01/2020 để thông báo tới bị đơn, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Park Yun D không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến và vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của bà Phạm Thị H và ông Park Yun D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2007 theo pháp luật Hàn Quốc, sau đó đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam và được Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn số 39/2007 ngày 21/11/2007 - như vậy việc kết hôn giữa bà H và ông Park Yun D đã được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật Việt Nam.

Sau khi kết hôn, bà Phạm Thị H và ông Park Yun D mỗi người sống ở một Quốc gia, năm 2008 bà H sang Hàn Quốc để đoàn tụ cùng chồng nhưng không liên lạc được với ông Park Yun D, bà H đã trở về Việt Nam và cũng từ đó vợ chồng bà chấm dứt hoàn toàn mọi mối quan hệ với nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông Park Yun D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H, xử cho bà H được ly hôn ông Park Yun D là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị H và ông Park Yun D không có con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị H còn phải chịu chi phí về việc thông báo văn bản tố tụng và thông báo kết quả xét xử trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam (tự thực hiện chi phí).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm c khoản 6 Điều 477; Điều 479 Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Park Yun D.

[2] Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009967 ngày 15/8/2019 và 200.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp tại biên lai thu số 0009127 ngày 11/9/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, lệ phí.

Bà H còn phải chịu chi phí về việc thông báo văn bản tố tụng và thông báo kết quả xét xử trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam (tự thực hiện chi phí).

[5] Về quyền kháng cáo: bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, ông Park Yun D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày đương sự được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày đăng tin kết quả xét xử./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình